

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/06/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	P5+JS2+TD3	7:25	2+19+0	0+0+0		3+15+4	0+0+0	
2	846	DD3+JS2	9:25	6+13	0+0		0+22	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/06/2018	TO: P5 - JS2 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - PTUÁN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN ĐOÀN	P5	22	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGO ĐỨC THUẬN	P5	21	1	13		62	XAYLAP	Vietnamese
3	LE QUANG CUONG	JS2	37-38	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
4	EDWIN PINTO	JS2	31-32	2	14		112	KHOAN	Indian
5	PARK JEROME WILFRED BRISTBANE	JS2	42-43	2	16		105	KHOAN	Indian
6	RANDY SANJAYA	JS2	35-36	2	20		70	KHOAN	Indonesian
7	NGUYEN QUANG HIEU	JS2	39-40	2	8		57	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN XUAN TRUC	JS2	34	1	6	44	75	KHOAN	Vietnamese
9	CAO VAN VIET	JS2	54-55	2	12		62	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG CONG THANG	JS2	41	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN ANH TUAN	JS2	29-30	2	15		78	KHOAN	Vietnamese
12	LE TRAN HUNG	JS2	33	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	LUU VAN LOI	JS2	56	1	13		68	KHOAN	Vietnamese
14	LE QUYET THANG	JS2	52-53	2	20		67	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM QUANG HUNG	JS2	44	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
16	DO VAN HUNG	JS2	47	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHUC	JS2	48-49	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
18	HUYNH KIM LONG	JS2	46	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VAN THE	JS2	50	1	12		71	KHOAN	Vietnamese
20	DO DUC MANH	JS2	45	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN DUC CUONG	JS2	51	1	8		63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	2	2	28	137	0	3		
2	JS2	19	28	216	1.377	44	15		
3	TD3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	30	244	1.514	44	22		
WEIGHT KG				244	1.514	44			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/06/2018	TO: DD3 - JS2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - PTUÁN	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU TRUNG KIEN	DD3	06	1	14	34	72	KHOAN	Vietnamese
2	LAI ANH TUAN	DD3	01	1	10		100	KHOAN	Vietnamese
3	VU MINH ĐUC	DD3	04-05	2	19		85	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VAN TAM	DD3	07	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TAM	DD3	02	1	13		76	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN NGHI	DD3	03	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
7	DAO VAN SINH	JS2	62	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VAN KHOA	JS2	16	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
9	BUI QUOC GIA	JS2	36	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRI	JS2	65	1	3		87	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN VINH	JS2	37	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THOM	JS2	35	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	64	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN DINH NHU	JS2	67	1	7		63	KHOAN	Vietnamese
15	DO VAN QUY	JS2	66	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN CHINH CUONG	JS2	63	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	DINH CAO CUONG	JS2	61	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
18	VU DINH HUNG	JS2	79	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	HUYNH VAN TRUNG	JS2	38-39	2	12		90	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD3	6	7	78	466	34	0		
2	JS2	13	14	82	891	0	22		
TOTAL		19	21	160	1.357	34	22		
WEIGHT KG				160	1.357	34			

GRAND TOAL: 1.551 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐD TT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/06/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	ĐI			VỀ			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	CTK3+P11+P6	7:25	18+4+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
2	406	PPD+JS2+RP2	7:25	13+5+4	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
3	427	P7+BK5+VSP02	7:25	2+2+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
4	846	VSP02+BK14	9:25	16+6	0+0		14+8	0+0	
5	406	CTK3+BK3+PVD2	9:25	15+7+0	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
6	427	CLO+CTK3+PPD	9:25	7+5+10	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
7	846	TD2+AMD	11:25	5+16	0+0		0+20	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2018	TO: CTK3 - P11 - P6	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Thủy - Hạnh - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH HÙNG	CTK3	59	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CTK3	66	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHÙNG VĂN KHANH	CTK3	72	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC TRI	CTK3				41	67	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ QUANG HẢI	CTK3	69	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀU ĐỨC NGỌC	CTK3	77	1	7		91	PSV	Vietnamese
7	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	62	1	2		86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BÌNH LONG	CTK3	58	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	61	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN MẠNH	CTK3	64-65	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	71	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	60	1	2	9	62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	70	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN MINH	CTK3	57	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VĂN BÁC	CTK3	63	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO THẾ HÙNG	CTK3					74	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM BA HOÀNG	CTK3	67-68	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐAM VĂN QUANG	P11	03	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HUY MẠNH	P11	06	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P11	04-05	2	16		90	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUÝ TÀI	P11	02	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	18	17	83	1.270	50	18		
2	P11	4	5	45	297	0	0		
3	P6	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	22	128	1.567	50	22		
WEIGHT KG				128	1.567	50			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2018	TO: PPD - JS2 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐÌNH THAO	PPD				112	68	KHI	Vietnamese
2	TRẦN DOÀN HUƠNG	PPD					78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ XUÂN MINH	PPD	87	1	4	12	77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	PPD	86	1	9		50	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ SỸ KHOA	PPD					73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN VINH	PPD	36	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ QUANG HUY	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	PPD	89	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	TRÌNH VĂN NHÀ	PPD	34	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NHẬT QUANG	PPD	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN THĂNG	PPD	35	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN SƠN	JS2	40	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	VÔ THẾ HẬU	JS2				22	73	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRƯỜNG AN	JS2	43	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIẾN	JS2	41	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI ĐỨC KHANH	JS2	42	1	3		57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC DANH	RP2	84	1	14		59	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN KHÁC SƠN	RP2	85	1	15		57	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ĐẠO	RP2	97-98	2	17	7	73	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI NGỌC HOANG	RP2	96	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	8	43	909	124	11		
2	JS2	5	4	16	359	22	6		
3	RP2	4	5	58	253	7	5		
TOTAL		22	17	117	1.521	153	22		
WEIGHT KG				117	1.521	153			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2018	TO: P7 - BK5 - VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TUYEN - ĐTuấn - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUOC HUY	P7	49-50	2	20	110	86	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN VU HUNG	P7	48	1	10		77	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN PHUC HIEN	BK5	74-75	2	17	20	79	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN VAN CHIEU	BK5	17	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
5	EDUARD YANDYAN	VSP02	49	1	11	30	82	KH-THAC	Russian
6	HOANG MINH TAN	VSP02	52	1	8		81	YTE	Vietnamese
7	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	51	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VAN HIEP	VSP02	48	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH VY	VSP02	46-47	2	13		61	TNHH NIEN	Vietnamese
10	NG. TIEN DUNG	VSP02	60	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH HOAN	VSP02	58	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	SERGIENKO SERGEY	VSP02	53	1	3		74	KH-THAC	Russian
13	BOGDAN KARPENKO	VSP02	54	1	12		88	KH-THAC	Russian
14	TRAN MINH TUAN THINH	VSP02	56	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN GIA LONG	VSP02	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG MANH THANG	VSP02	63	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI ANH SON	VSP02	50	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LE MINH TUAN	VSP02	57	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC CHIEN	VSP02	59	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG VIET THANH	VSP02	69	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO VAN PHU	VSP02	55	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN LUONG HA	VSP02	62	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	3	30	163	110	0		
2	BK5	2	3	25	140	20	0		
3	VSP02	18	19	117	1.328	30	22		
TOTAL		22	25	172	1.631	160	22		
WEIGHT KG				172	1.631	160			

GRAND TOAL: 1.963 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2018	TO: VSP02 - BK14	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hạnh - CHIÊN - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIÊN HIỆP	VSP02	67-68	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP02	76	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN GIA KHÁNH	VSP02	78-79	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	73	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	VSP02					74	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ DUY HOÀN	VSP02	74	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP02	80	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BÌNH	VSP02	69	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	77	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	72	1	3	40	63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	75	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	71	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	70	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	81	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ARTUYSHIN	VSP02	82	1	14		93	ANTOAN	Russian
17	VŨ CÔNG KHANG	BK14	57-58	2	13		57	KH-THAC	Vietnamese
18	LUƠNG XUÂN THANH	BK14	60	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LE ANH TUAN	BK14	61	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG VĂN HAI	BK14	66	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	59	1	8	55	72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC NINH	BK14	62	1	3		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	16	16	88	1.159	40	14		
2	BK14	6	7	42	437	55	8		
TOTAL		22	23	130	1.596	95	22		
WEIGHT KG				130	1.596	95			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2018	TO: CTK3 - BK3 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH DUNG	CTK3	90	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN NHUAN	CTK3	95	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM CONG UOC	CTK3	81	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN VAN THIEM	CTK3	96	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG ĐỨC HAI	CTK3	85	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VIET HUNG	CTK3	78	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN CUONG	CTK3	94	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI MINH HAI	CTK3	82	1	4	4	70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HAI	CTK3	83-84	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH QUANG HOAN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGHIA TIN	CTK3	87-88	2	20		81	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG ĐINH VINH	CTK3	79	1	10	21	73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU SY	CTK3	86	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	89	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	80	1	2		49	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUONG BIEN	BK3	04-05	2	14	40	64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN AI	BK3	06-07	2	19		59	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG VAN DUNG	BK3	08	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN VAN CAM	BK3	12-13	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
20	NINH VAN SON	BK3	09-10	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG XUAN HUY	BK3	14-15	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN DUY HAO	BK3	11	1	9		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	16	94	1.022	25	11		
2	BK3	7	12	107	449	40	0		
3	PVD2	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	28	201	1.471	65	22		
WEIGHT KG				201	1.471	65			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2018	TO: CLO - CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐTuấn - Toan	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI THANH NAM	CLO	98	1	10		65	DVL	Vietnamese
2	LY NHẬT TRƯỜNG	CLO	37	1	14		77	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN MANH TRƯỜNG	CLO	800	1	12		78	DVL	Vietnamese
4	TÔNG TIẾN QUANG	CLO	39	1	15		74	DVL	Vietnamese
5	VŨ HAI THĂNG	CLO	38	1	12		77	DVL	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HUƠNG	CLO	99	1	13		100	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN QUỐC HÙNG	CLO					82	DVL	Vietnamese
8	NGÔ THAI HA	CTK3	65	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ VIỆT HUNG	CTK3	70	1	6		65	KHI	Vietnamese
10	PHẠM THANH BÌNH	CTK3	66	1	9	58	88	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MINH	CTK3	67	1	12		83	T-TIN	Vietnamese
12	ĐINH XUÂN TOÀN	CTK3	68-69	2	12		61	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYEN DANH TUẤN	PPD	31	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	30	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUY HOANG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ XUÂN HÀ	PPD	67	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	37	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN PHONG	PPD					67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUANG QUYÊN	PPD	400	1	3	88	69	KH-THAC	Vietnamese
20	FIRSOV	PPD	28-29	2	15		96	ANTOAN	Russian
21	NGUYEN TIẾN LONG	PPD	65-66	2	12		54	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN THANH HAI	PPD					56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	6	76	553	0	0		
2	CTK3	5	6	44	353	58	1		
3	PPD	10	9	46	697	88	20		
TOTAL		22	21	166	1.603	146	21		
WEIGHT KG				166	1.603	146			

GRAND TOAL: 1.915 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/06/2018	TO: TD2 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - CHIÊN - HIẾU	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TRUNG	TD2	95	1	11		74	DVL	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TUYẾT	TD2	99	1	12	65	65	DVL	Vietnamese
3	LƯU BA XÔ	TD2	96-97	2	12		75	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU VIỆT	TD2	98	1	15		60	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN HÙNG DŨNG	TD2	94	1	10		74	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH DUY	AMD	400	1	7	74	57	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN LÊ HOA	AMD	67	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HIẾU THAO	AMD	81	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	74	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO QUANG HUÂN	AMD	73	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN PHƯƠNG	AMD	75	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	30	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	AMD	78	1	9		54	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HỮU ĐĂNG	AMD	79-80	2	9		83	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN TÂN TRÍ	AMD	69	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ TRUNG HIẾU	AMD	66	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI SỸ QUYÊN	AMD	71	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC THẮNG	AMD	72	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	70	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH QUANG	AMD	68	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯU THANH CHUNG	AMD	76-77	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	6	60	348	65	0		
2	AMD	16	18	127	1.069	74	20		
TOTAL		21	24	187	1.417	139	20		
WEIGHT KG				187	1.417	139			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐHTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/06/2018

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1		CLO+TTC3+P1	7:25	17+4+1	0+0+0		17+0+1	0+0+0			
2		TTC2+P5+TD1	9:25	8+2+12	0+0+0		0+7+12	0+0+0			

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2018	TO: CLO - TTC3 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	40	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
2	VU THE NANG	CLO	51	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
3	LAM VAN GIANG	CLO	48	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VINH	CLO	47	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
5	ĐAU VAN MINH	CLO	51	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN ĐUỘC	CLO	43	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN ĐỒ	CLO	42	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG HUY	CLO	63	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	50	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	53	1	4	70	71	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH ĐÌNH ĐỀ	CLO	56	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
12	SHEVCHENKO	CLO	54	1	6		84	KHOAN	Russian
13	PHẠM THANH LINH	CLO	55	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN ĐỨC HOANG	CLO	49	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	41	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN THANH ĐẠT	CLO	58	1	15		84	NHA THAU	Vietnamese
17	MAI HAI LONG	CLO	57	1	10		77	D-HANH	Vietnamese
18	GLYBOVSKI	TTC3	94	1	9		77	KH-THAC	Russian
19	TRẦN MẠNH QUẾ	TTC3	92	1	14	25	84	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TUẤN ANH	TTC3	93	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
21	TẠ TRUNG DŨNG	TTC3	91	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TAN	P1	57-58	2	12		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	17	110	1.223	70	17		
2	TTC3	4	4	40	330	25	0		
3	P1	1	2	12	60	0	1		
TOTAL		22	23	162	1.613	95	18		
WEIGHT KG				162	1.613	95			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2018	TO: TTC2 - P5 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - PTUÁN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN BAN	TTC2	89	1	7		67	NHATHAU	Vietnamese
2	LE HONG TRIEU	TTC2	99	1	10	15	62	NHATHAU	Vietnamese
3	TRAN VAN THONG	TTC2	90	1	8		63	NHATHAU	Vietnamese
4	TO VU DUNG	TTC2	87	1	9		52	NHATHAU	Vietnamese
5	LE HUYEN SAM	TTC2	97-98	2	17		63	NHATHAU	Vietnamese
6	BUI AN	TTC2	96	1	11		50	NHATHAU	Vietnamese
7	PHAM THANH TUNG	TTC2	600	1	10		85	NHATHAU	Vietnamese
8	NGUYEN ANH THANG	TTC2	88	1	8		55	NHATHAU	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC QUANG	P5	43-44	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
10	VO HOANG LAM	P5				30	55	XAYLAP	Vietnamese
11	MIKHALICHENKO S.IA	TD1	87	1	5		100	KHOAN	Russian
12	NGUYEN THANH THUY	TD1	85	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LANG	TD1	84	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DUNG	TD1	80	1	6	20	65	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN NGUYEN	TD1	79	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN MINH SON	TD1	81	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
17	VU MANH HAI	TD1	86	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
18	BUI VAN NINH	TD1					80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THINH	TD1	82	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
20	GILEMKHANOV R.R	TD1	83	1	5		80	KHOAN	Russian
21	HOANG MINH DUC	TD1	88	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG	TD1	89	1	10		71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	8	9	80	497	15	0		
2	P5	2	2	15	126	30	7		
3	TD1	12	11	56	875	20	12		
TOTAL		22	22	151	1.498	65	19		
WEIGHT KG				151	1.498	65			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/06/2018

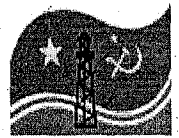
STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		TD2	7:25	21	0		20	0	

TTBBSX



VNHS SOUTH

FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 17/06/2018	TO: TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHẢI - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	33	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC DUNG	TD2	38	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
3	GONCHAROV S.A	TD2	35	1	11		100	KHOAN	Russian
4	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	36	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUAN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THO	TD2				60	72	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH QUÂN	TD2	40	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BINH	TD2	41	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TUNG	TD2	42	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	37	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	39	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ MINH HAI	TD2	43	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ XUÂN TRƯỞNG	TD2	34	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	32	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC ĐẠI	TD2	49-50	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN QUANG VŨ	TD2	47	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC SANG	TD2	48	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NHAM HOANG SON	TD2	59	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI HUU TRI	TD2	44	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THANH	TD2	45	1	6		80	GETRACO	Vietnamese
21	PHẠM HUU MINH	TD2	46	1	6		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	20	135	1.539	60	21		
	TOTAL	21	20	135	1.539	60	21		
	WEIGHT KG			135	1.539	60			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/06/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	ĐI			VỀ			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RP2+TD5	7:25	2+2+18	0+0+0		0+1+20	0+0+0	
2		TD3+P2	7:25	21+1	0+0		19+3	0+0	
3		TD1+AMD	7:25	14+8	0+0		12+8	0+0	
4		T.UNG	7:30	15	0		15	0	
5		P10+PPD	9:25	5+16	0+0		0+22	0+0	
6		P8+CTK3+TD1	9:25	4+18+0	0+0+0		0+21+0	0+0+0	TRANS 1 PAX CTK3-TD1
7		AMD+RC6	9:25	21+0	0+0		12+9	0+0	
8		BK16+TD5+CTK3	11:25	5+7+10	0+0+0		5+5+10	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2018	TO: RP3 - RP2 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Dũng - Hôi - Luy	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	RP3	42	1	10	60	72	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN HOÀN	RP3	43	1	5		55	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN DUNG	RP2	2000	1	5		65	NHATHAU	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HAI	RP2	99	1	5		79	NHATHAU	Vietnamese
5	HÀ VĂN DUNG	TD5	56	1	5	40	88	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN NHƯ Y	TD5	58	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ HOÀN KIEM	TD5	60	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
8	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	70	1	5	20	65	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUYẾT TIẾN	TD5	63	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN BA HOA	TD5	62	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	57	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH ANH TRƯỜNG	TD5	61	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG NHẬT QUANG	TD5	59	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VŨ NGỌC	TD5	64	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN QUANG	TD5	72	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD5	69	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	71	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
18	HUYỄNH TRUNG NGHĨA	TD5	65	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	66	1	4		75	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THẠO	TD5	55	1	5		78	PSV	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN THUAN	TD5	67	1	5		85	PSV	Vietnamese
22	TRẦN MINH HÙNG	TD5	68	1	5		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	2	2	15	127	60	0		
2	RP2	2	2	10	144	0	1		
3	TD5	18	18	91	1.342	60	20		
TOTAL		22	22	116	1.613	120	21		
WEIGHT KG				116	1.613	120			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2018	TO: TD3 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - MQUÂN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	50	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	44-45	2	14		67	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM HAI ĐĂNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN NAM CUONG	TD3	47	1	5	57	72	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN KHOA	TD3	52	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	VO VĂN DUNG	TD3	54	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO DUY CHINH	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
8	KHUAT QUANG KIEN	TD3	53	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG PHAM NGOC VU	TD3					100	KHOAN	Vietnamese
10	HA VAN PHUC	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
11	VU LONG PHI	TD3	51	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	NHAM ĐỨC QUANG ***	TD3	55	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VIET TRUNG	TD3	46	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN Y	TD3	61	1	5		70	DVL	Vietnamese
15	ĐO NGOC DUYEN	TD3	57	1	5		76	DVL	Vietnamese
16	LÊ VĂN THĂNG	TD3	56	1	5		65	DVL	Vietnamese
17	LE PHU PHUC	TD3	58	1	5		80	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NAM	TD3	59	1	10		70	DVL	Vietnamese
19	PHAM THE CUONG	TD3	49	1	6		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN	TD3	48	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	KHONG TIEN DUNG	P2	21	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	20	17	100	1.434	57	19		
2	P2	1	1	5	70	0	3		
TOTAL		21	18	105	1.504	57	22		
WEIGHT KG				105	1.504	57			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2018	TO: TD1 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - Năm	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ QUI HOANG	TD1	94-95	2	13	60	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NAM THAI	TD1	97	1	3	39	58	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN HUU TRUNG	TD1	493	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG TRAN KHANH	TD1	492	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN ĐỨC BÀU	TD1	79	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THAI HOA	TD1	89	1	7		58	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN THUA THAI	TD1	90	1	7		62	CODIEN	Vietnamese
8	ĐẶNG DUY DUNG	TD1	80-81	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DIEN	TD1	83	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ NGỌC SƠN	TD1	86	1	18		89	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HUY	TD1	87-88	2	19		49	XAYLAP	Vietnamese
12	LE HONG DUY	TD1	84-85	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
13	LE XUAN HUNG	TD1	82	1	12		59	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN QUYET	TD1	96	1	3		63	PSV	Vietnamese
15	PHAM VU THANG	AMD	29-30	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	28	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	22	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO THANH TUAN	AMD	25-26	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HOANG	AMD	27	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH HUU TINH	AMD	21	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HONG LINH (PVDT)	AMD	24	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI XUAN TAO	AMD	23	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	18	143	911	99	14		
2	AMD	8	10	54	557	0	8		
TOTAL		22	28	197	1.468	99	22		
WEIGHT KG				197	1.468	99			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.
[Signature]

VNH REP.
[Signature]

CAPTAIN
[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:28
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Lac - Toan	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC BÌNH	BK THIE					66	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN TRỌNG CƯỜNG	BK THIE	77-78	2	13		78	D-HANH	Vietnamese
3	VĂN MINH TÂN	BK THIE	69	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUANG QUY	BK THIE				40	61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUNG KIEN	BK THIE					68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ TRAN SON	BK THIE	73-74	2	6		58	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC TOAN	BK THIE	76	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ CHIẾN THẮNG	BK THIE	68	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUYẾT TIỀN	BK THIE	70-72	3	15		68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN TUYEN	BK THIE	96-97	2	18		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HOA	BK THIE	75	1	7		64	PSV	Vietnamese
12	HỒ VĂN TÍNH	BK THIE	500	1	2		54	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN CHUONG	BK THIE	66	1	2		63	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN TRUONG	BK THIE	98-99	2	5		60	PSV	Vietnamese
15	PHAN VAN AN	BK THIE	67	1	4		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	15	18	85	974	40	15		
	TOTAL	15	18	85	974	40	15		
	WEIGHT KG			85	974	40			

GRAND TOAL: 1.099. KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2018	TO: P10 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hoi - CHIEN - Luy	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HONG DAI	P10	09	1	5	10	74	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN CANH TAN	P10					76	D-HANH	Vietnamese
3	SAVELIEV	P10	02	1	4		115	D-HANH	Russian
4	KYREEV	P10	03	1	5		90	D-HANH	Russian
5	DO THANH HAI	P10	08	1	5		109	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG SON	PPD	94	1	3	10	72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VAN DUONG	PPD	84	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH BINH	PPD	95	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
9	VU MAU MEN	PPD	88	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HAI	PPD	91	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN ANH	PPD					71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH HAI	PPD	87	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN THANH QUANG	PPD	82	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN MANH	PPD	86	1	2		45	KH-THAC	Vietnamese
15	TO HIEN THANH	PPD	85	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG TUAN HUNG	PPD	89	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC DU	PPD	97	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG TUNG HUYNH	PPD	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN HAI	PPD	96	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VAN BA	PPD	90	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THAM	PPD	98	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	5	4	19	464	10	0		
2	PPD	16	15	67	1.112	10	22		
TOTAL		21	19	86	1.576	20	22		
WEIGHT KG				86	1.576	20			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2018	TO: P8 - CTK3 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - MQUÂN	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU V LUONG	P8	03	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
2	KRAMARENKO	P8	01	1	5		75	D-HANH	Russian
3	BAEV	P8					85	D-HANH	Russian
4	KYUZMENKO	P8	02	1	7		80	D-HANH	Russian
5	LE HUY TAM	CTK3	96	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM DAI PHONG	CTK3	95-96	2	10		70	YTE	Vietnamese
7	PHAM THANH HAI	CTK3	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG HA	CTK3	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TO TRONG TUAN	CTK3	93	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LE XUAN DAT	CTK3	67	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DAN	CTK3	500	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH DAO	CTK3	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VU XUAN TRUC	CTK3	95	1	5	50	58	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM TIEN PHUONG	CTK3	78	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HAI	CTK3	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUNG	CTK3	600	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO VAN MINH	CTK3	597-598	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THANH HOAT	CTK3	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG XUAN SON	CTK3	89,99,100	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MANH KHOAT	CTK3	598	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	599	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LE ĐỨC HIỆP	CTK3	98	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	4	3	17	305	0	0		
2	CTK3	18	22	119	1.252	50	21	1	CHUYEN 1 PAX CTK3 SANG TD1
3	TD1	0	0	0	0	40	0		
TOTAL		22	25	136	1.557	90	21		
WEIGHT KG				136	1.557	90			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2018	TO: AMD - RC6	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - Năm	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	54-55	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN THÈ HAO	AMD	53	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	42	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CHIEU	AMD	36-37	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN TRINH	AMD	33	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DINH	AMD	38	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
7	AN MINH DUNG	AMD	31-32	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VAN DOAN	AMD	34	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HA	AMD	39	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN CHUONG	AMD	40	1	8	65	84	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN HAU	AMD	35	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HONG THAI	AMD	43	1	12		58	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TỬ ANH	AMD	57-58	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC BIỂU	AMD	59-60	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯU VĂN DÂN	AMD	56	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HONG ANH	AMD	46-47	2	15		52	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN GIA THI	AMD	50-51	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN KHUE	AMD	44-45	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MINH TAM	AMD	48-49	2	12		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NĂNG	AMD	41	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TUẤN	AMD	52	1	8		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	30	226	1.404	65	12		
2	RC6	0	0	0	0	20	9		
TOTAL		21	30	226	1.404	85	21		
WEIGHT KG				226	1.404	85			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/06/2018	TO: BK16 - TD5 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hoi - CHIEN - Luy	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC HA	BK16	17	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LIEU	BK16	15	1	4	50	74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TUAN	BK16	19	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN HA	BK16	18	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	DO XAN HANH	BK16	16	1	4		78	PSV	Vietnamese
6	TRINH QUOC HUNG	TD5	77	1	4		72	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG LONG	TD5	81	1	4		74	PSV	Vietnamese
8	DANG XUAN DUONG	TD5	82	1	5	30	64	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG MINH	TD5	78	1	7		83	PSV	Vietnamese
10	DOAN TRUNG KIEN	TD5	76	1	4		58	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HANH	TD5	79	1	4		62	PSV	Vietnamese
12	PHAM QUANG HUY	TD5	80	1	4		68	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG MAN	CTK3	75	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM HONG SON	CTK3	10	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
15	DANG THIEU THANH	CTK3	08	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUAN	CTK3	06	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN DIEM	CTK3	05	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	DAO DUC THANG	CTK3	74	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG VAN BINH	CTK3	09	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NG LE HUY HOANG	CTK3	73	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO SY DUC	CTK3	07	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
22	LUONG THE HIEN	CTK3	03-04	2	10		63	NIP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	5	25	360	50	5		
2	TD5	7	7	32	481	30	5		
3	CTK3	10	11	78	694	0	10		
TOTAL		22	23	135	1.535	80	20		
WEIGHT KG				135	1.535	80			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN